



BAKER TILLY

A&C

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**



**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

| | Trang |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 8 - 12 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2010 | 13 - 16 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2010 | 17 - 18 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 | 19 - 42 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm. Vốn điều lệ theo Giấy phép lần đầu của Công ty là 70 tỷ đồng Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 41AGP/KDBH ngày 01/02/2007 chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 105 tỷ đồng, thay thế Giấy phép ban đầu theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và các lần bổ sung, điều chỉnh như sau:

Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC1/KDBH ngày 21/4/2008 chấp thuận vốn điều lệ của Tổng Công ty là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC2/KDBH ngày 30/3/2010 chấp thuận vốn điều lệ 450 tỷ đồng và được phép kinh doanh bảo hiểm vệ tinh.

Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC3/KDBH ngày 03/6/2010 bổ sung thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện khu vực Nam Sông Hồng.

Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC4/KDBH ngày 30/6/2010 chấp thuận đổi tên Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện thành Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Vốn điều lệ 450.000.000.000 VND

Trong đó

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------------------------|------------------------|----------------|
| Cổ đông sáng lập | 291.344.890.000 | 64,74% |
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 162.729.000.000 | 36,16% |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | 39.690.000.000 | 8,82% |
| Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | 31.752.000.000 | 7,06% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam | 23.119.120.000 | 5,14% |
| Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam | 9.347.590.000 | 2,08% |
| Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội | 7.484.590.000 | 1,66% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông | 9.347.590.000 | 2,08% |
| Công ty Tài chính Bưu điện | 7.875.000.000 | 1,75% |
| Cổ đông khác | 158.655.110.000 | 35,26% |
| Cộng | 450.000.000.000 | 100,00% |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 772 4466

Fax : 043 772 4460

Mã số thuế : 0100774631

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

| | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh | Số 6-8-10 Lô C7 đường Phan Xích Long Phường 7, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh |
| 2 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng | 213-215 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng |
| 3 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng | Tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại, số 22 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng |
| 4 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ | 2A1 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ |
| 5 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ | 26 Nguyễn Thái Học, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 6 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc | 146 Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ |
| 7 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai | Số R78, Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai |
| 8 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên | 27 Trần Khánh Dư, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk |
| 9 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ | Số 12E đường Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa |
| 10 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau | 43 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| 11 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định | Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |
| 12 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương | Số 445- Tổ 16 khu 1, Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |
| 13 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh | 156B tầng 3 tòa nhà Đại Hải, Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 14 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa | Lô 29, khu tầng 4, Đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa |
| 15 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên | Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế |
| 16 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long | 100 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội |
| 17 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang | Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| 18 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An | Số 113 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An |
| 19 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc | Số 2, đường Ngô Quyền, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 20 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn | Phòng 3-2, tầng 3, tòa nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh | 16 đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. |
| 22 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai | Số 12, Đường Hoàng Liên, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai |
| 23 | Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng | Số 08, Đường Lê Đại Hành, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ 3 bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 02 tháng 3 năm 2011 Tổng Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán PTI.

Năm 2011 Tổng Công ty đã thành lập thêm 2 Công ty thành viên là Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội và Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|----------|---------------------|
| Ông Đỗ Ngọc Bình | Chủ tịch | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Ủy viên | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Hồ Công Trung | Ủy viên | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Mai Xuân Dũng | Ủy viên | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Hàn Ngọc Vũ | Ủy viên | 14 tháng 5 năm 2010 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Kế | Trưởng Ban | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng | Thành viên | 14 tháng 5 năm 2010 |
| Ông Đỗ Anh Tuấn | Thành viên | 14 tháng 5 năm 2010 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Anh Tuấn | Q.Tổng Giám đốc | 23 tháng 10 năm 2007 | 15 tháng 11 năm 2010 |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | 15 tháng 11 năm 2010 | |
| Ông Nguyễn Đức Bình | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2008 | |
| Bà Trần Thị Minh | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2008 | |
| Ông Nguyễn Trường Giang | Phó Tổng Giám đốc | 16 tháng 9 năm 2009 | |
| Ông Bùi Xuân Thu | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 7 năm 2010 | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc


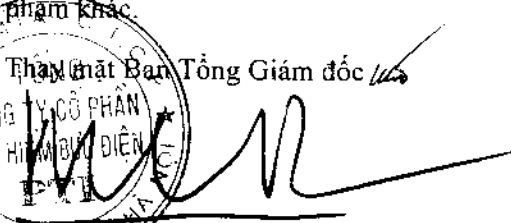
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính).

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN *A&C*
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số:0139/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2011, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành kèm theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính).

Các vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tổng hợp về vấn đề sau:

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện với số tiền là 2.940.000.000 VND (chiếm 3,02% vốn điều lệ), đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Tổng Công ty Cổ phần Bưu điện chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện nên chưa có căn cứ để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có) tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên khoản đầu tư này đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, số tiền 372.111.533 VND.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Thị Hồng Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0053/KTV

Hoàng Thị Việt
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 971.391.898.914 | 651.072.813.208 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 195.790.329.750 | 96.882.678.336 |
| 1. Tiền | 111 | | 40.760.329.750 | 36.782.678.336 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 155.030.000.000 | 60.100.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 500.909.260.377 | 386.063.251.932 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 502.149.947.769 | 386.801.286.119 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (1.240.687.392) | (738.034.187) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 267.543.716.169 | 161.993.864.434 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 153.318.397.224 | 110.489.713.097 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 23.525.257.064 | 29.534.814.289 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 104.060.292.996 | 36.030.273.392 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (13.360.231.115) | (14.060.936.344) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.746.684.421 | 1.062.955.416 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.746.684.421 | 1.062.955.416 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.401.908.197 | 5.070.063.090 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 59.952.272 | 405.912.343 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.082.735.331 | 531.927.235 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.9 | 1.164.929.850 | 216.546.915 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 3.094.290.744 | 3.915.676.597 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 490.005.182.050 | 344.635.535.318 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 70.054.678.297 | 71.052.792.078 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 24.480.044.436 | 19.295.251.552 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 53.236.723.367 | 43.131.541.641 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (28.756.678.931) | (23.836.290.089) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 45.574.633.861 | 51.641.567.799 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 46.147.404.000 | 51.908.204.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (572.770.139) | (266.636.201) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | 115.972.727 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.13 | 6.994.763.527 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 6.994.763.527 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 392.990.029.085 | 256.413.899.869 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 9.180.000.000 | 7.570.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | 117.192.700.000 | 66.292.700.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 267.396.651.111 | 182.923.311.402 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.17 | (779.322.026) | (372.111.533) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 19.965.711.141 | 17.168.843.371 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.18 | 8.464.803.511 | 5.855.324.789 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.19 | 11.500.907.630 | 11.313.518.582 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.461.397.080.964 | 995.708.348.526 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 794.788.316.594 | 513.808.152.780 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 240.425.475.297 | 96.739.805.019 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.20 | 100.000.000.000 | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.21 | 61.191.870.268 | 53.549.204.384 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.22 | 1.745.550.263 | 3.460.500.820 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.23 | 24.375.671.022 | 14.821.125.722 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 25.187.496.650 | 16.178.585.810 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 966.314.848 | 69.895.781 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 25.540.824.208 | 8.297.474.599 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | 1.417.748.038 | 363.017.903 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.845.044.395 | 946.783.558 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 342.163.136 | 399.309.136 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | V.26 | 731.333.965 | 547.474.422 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.27 | 8.771.547.294 | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| III. Dự phòng nghiệp vụ | 340 | V.28 | 544.517.796.902 | 416.121.564.203 |
| 1. Dự phòng phí | 341 | | 278.318.419.396 | 182.270.341.549 |
| 2. Dự phòng toán học | 342 | | - | - |
| 3. Dự phòng bồi thường | 343 | | 122.705.081.721 | 107.685.527.549 |
| 4. Dự phòng dao động lớn | 344 | | 143.494.295.785 | 126.165.695.105 |
| 5. Dự phòng chi lãi | 345 | | - | - |
| 6. Dự phòng đảm bảo cân đối | 346 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 666.608.764.370 | 481.900.195.746 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.29 | 666.608.764.370 | 481.900.195.746 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 450.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 114.375.000.000 | 114.375.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (201.068.212) | (201.068.212) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | (57.044.594) | (158.852.450) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 15.377.483.028 | 14.937.483.028 |
| 8. Quỹ dự trữ bắt buộc | 418 | | 15.814.608.483 | 12.044.101.089 |
| 9. Quỹ dự trữ tự nguyện | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 71.299.785.665 | 40.903.532.291 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.461.397.080.964 | 995.708.348.526 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU | Thuyết | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------|--------|-----------------|-----------------|
| | minh | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm | | 196.270.976.370 | 152.678.686.663 |
| 6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | - | - |
| 7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 6.231,62 | 10.094,73 |
| Euro (EUR) | | 492,83 | 129.411,07 |
| Bảng Anh (£) | | 386,51 | 392,74 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Người lập biểu

Đoàn Kiên

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Thu phí bảo hiểm gốc | 01 | | 684.469.187.473 | 455.026.081.143 |
| 2. Thu phí nhận tái bảo hiểm | 02 | | 49.340.707.044 | 38.049.341.544 |
| 3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07) | 03 | | 154.756.158.024 | 118.808.591.593 |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 04 | | 149.617.446.987 | 112.859.269.928 |
| Giảm phí bảo hiểm | 05 | | - | - |
| Hoàn phí bảo hiểm | 06 | | 5.138.711.037 | 5.949.321.665 |
| Các khoản giảm trừ khác | 07 | | - | - |
| 4. Tăng (giảm) dự phòng phí | 08 | | 96.048.077.846 | 51.102.421.388 |
| 5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 09 | | 34.729.600.649 | 27.874.904.192 |
| 5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13) | 10 | | 32.884.311.382 | 3.525.129.787 |
| Thu nhận tái bảo hiểm | 11 | | - | - |
| Thu nhượng tái bảo hiểm | 12 | | 29.049.047.972 | - |
| Thu khác | 13 | | 3.835.263.410 | 3.525.129.787 |
| 6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10) | 14 | VI.1 | 550.619.570.678 | 354.564.443.685 |
| 7. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm | 15 | | 220.143.539.484 | 124.063.815.066 |
| 8. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm | 16 | | 16.515.084.426 | 17.015.773.908 |
| 9. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20) | 17 | | 49.062.693.661 | 22.346.062.248 |
| Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm | 18 | | 46.583.117.008 | 21.691.074.303 |
| Thu đòi người thứ ba bồi hoàn | 19 | | 10.000.000 | 350.973.559 |
| Thu hàng đã xử lý bồi thường 100% | 20 | | 2.469.576.653 | 304.014.386 |
| 10. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17) | 21 | | 187.595.930.249 | 118.733.526.726 |
| 11. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn | 22 | | - | - |
| 12. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường | 23 | | 15.019.554.172 | 33.172.522.404 |
| 13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm | 24 | | 17.328.600.681 | 11.228.004.933 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| 14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40) | 25 | | 84.841.169.558 | 53.912.896.003 |
| Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33) | 26 | | 73.799.904.699 | 43.673.187.191 |
| + Chi hoa hồng | 27 | | 57.101.360.561 | 31.989.483.389 |
| + Chi giám định tổn thất | 28 | | 4.483.155.110 | 2.783.334.125 |
| + Chi đòi người thứ 3 | 29 | | - | 1.250.000 |
| + Chi xử lý hàng bồi thường 100% | 30 | | 11.829.091 | 700.000 |
| + Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 31 | | 107.437.694 | 147.034.500 |
| + Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất | 32 | | 8.325.054.223 | 7.213.248.129 |
| + Chi khác | 33 | | 3.771.068.020 | 1.538.137.048 |
| Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38) | 34 | | 11.907.739.859 | 9.136.577.430 |
| + Chi hoa hồng | 35 | | 11.548.062.954 | 8.639.434.632 |
| + Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm | 36 | | - | - |
| + Chi khác | 38 | | 359.676.905 | 497.142.798 |
| Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 39 | | (438.750.000) | 1.103.131.382 |
| Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác | 40 | | (427.725.000) | - |
| 15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25) | 41 | | 304.785.254.660 | 217.046.950.066 |
| 16. Lợi nhuận gộp (42 = 14 - 41) | 42 | | 245.834.316.018 | 137.517.493.619 |
| 17. Chi phí bán hàng | 43 | VI.2 | 23.673.381.085 | 10.293.133.844 |
| 18. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 44 | VI.3 | 205.722.787.772 | 132.132.222.080 |
| 19. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45 = 42 - 43 - 44) | 45 | | 16.438.147.161 | (4.907.862.305) |
| 20. Doanh thu hoạt động tài chính | 46 | VI.4 | 135.891.427.655 | 81.709.964.111 |
| 21. Chi phí hoạt động tài chính | 47 | VI.5 | 53.338.316.555 | 20.224.612.156 |
| 22. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47) | 51 | | 82.553.111.100 | 61.485.351.955 |
| 23. Thu nhập khác | 52 | VI.6 | 46.086.919 | 404.500.492 |
| 24. Chi phí khác | 53 | VI.7 | 16.627.271 | 21.927.457 |
| 25. Lợi nhuận khác (54 = 52 - 53) | 54 | | 29.459.648 | 382.573.035 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | |
| 26. Tổng lợi nhuận kế toán (56 = 45 + 51 + 54) | 56 | 99.020.717.909 | 56.960.062.685 |
| 30. Dự phòng đảm bảo cân đối | 58 | - | - |
| 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 60.1 | 22.496.597.141 | 13.400.517.963 |
| 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 60.2 | | |
| 32. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 - 58 - 60.1 - 60.2) | 61 | <u>76.524.120.768</u> | <u>43.559.544.722</u> |

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu



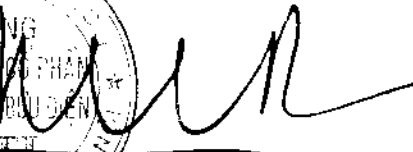
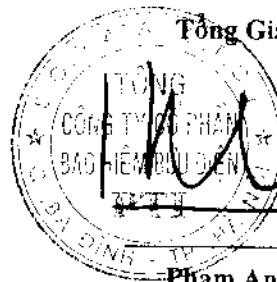
Đoàn Kiên

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Khánh

Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Số còn phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số còn phải nộp cuối năm |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18 + 19) | 10 | 14.604.578.807 | 64.086.250.929 | 55.480.088.564 | 23.210.741.172 |
| 1. Thuế GTGT hàng bán nội địa | 11 | 3.571.615.133 | 39.849.261.202 | 37.365.984.918 | 6.054.891.417 |
| 2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 12 | - | - | - | - |
| 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt | 13 | - | - | - | - |
| 4. Thuế xuất, nhập khẩu | 14 | - | - | - | - |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 15 | 10.039.249.963 | 22.496.597.141 | 15.701.944.639 | 16.833.902.465 |
| 6. Thuế thu nhập cá nhân | 16 | 66.091.217 | 91.509.994 | 112.567.416 | 45.033.795 |
| 7. Thuế tài nguyên | 17 | - | - | - | - |
| 8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 18 | - | - | - | - |
| 9. Các loại thuế khác | 19 | 927.622.494 | 1.648.882.592 | 2.299.591.591 | 276.913.495 |
| Thuế môn bài | 20 | - | - | - | - |
| Thuế nhà thầu | 21 | 927.622.494 | 1.648.882.592 | 2.299.591.591 | 276.913.495 |
| II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30 = 31 + 32 + 33) | 30 | - | - | - | - |
| 1. Các khoản phụ thu | 31 | - | - | - | - |
| 2. Các khoản phí, lệ phí | 32 | - | - | - | - |
| 3. Các khoản khác | 33 | - | - | - | - |
| Tổng cộng (40=10+30) | 40 | 14.604.578.807 | 64.086.250.929 | 55.480.088.564 | 23.210.741.172 |

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay

14.604.578.807

Trong đó: Thuế Thu nhập doanh nghiệp

10.039.249.963

(*) Xem thuyết minh số V.23

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đoàn Kiên

Đỗ Quang Khánh

Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 93.194.511.871 | 56.960.062.685 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 5.226.522.780 | 4.038.708.087 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 128.605.391.168 | 95.835.400.145 |
| Dự phòng phí | | 96.048.077.847 | 51.102.421.388 |
| Dự phòng bồi thường | | 15.019.554.172 | 33.172.522.404 |
| Dự phòng dao động lớn | | 17.328.600.680 | 11.228.004.933 |
| Dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư | | 209.158.469 | 332.451.420 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (214.854.181) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (83.001.285.963) | (59.587.965.677) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.256.752.787 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 145.067.038.462 | 97.246.205.240 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 258.969.169.052 | (47.809.029.484) |
| Phải thu về phí bảo hiểm gốc | | (23.196.729.214) | (12.693.242.430) |
| Phải thu của hoạt động nhận tái Bảo hiểm | | 881.586.437 | (7.258.428.028) |
| Phải thu của hoạt động nhượng tái Bảo hiểm | | (20.464.741.350) | (7.816.555.171) |
| Phải thu khác của khách hàng | | 301.797.853.179 | (20.040.803.855) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (683.729.005) | (244.492.021) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 62.811.088.145 | 21.710.498.706 |
| Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc | | 8.825.793.394 | (3.664.659.937) |
| Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm | | 1.188.600.893 | 3.333.496.527 |
| Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm | | 4.808.745.561 | 14.969.284.426 |
| Phải trả khác cho người bán | | 47.886.297.767 | 7.072.377.690 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (2.263.518.651) | 111.871.012 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (1.256.752.787) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (15.701.944.639) | (15.778.865.658) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 10.948.730.354 | 2.393.372.281 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (8.303.057.108) | (15.305.505.301) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 449.587.023.823 | 42.324.054.775 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (30.697.729.526) | (10.958.687.984) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 381.722.727 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.244.582.927.028) | (581.214.788.333) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 710.390.152.587 | 631.030.330.697 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (57.620.000.000) | (55.662.500.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 5.050.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 51.325.968.225 | 59.901.380.011 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (566.134.535.742) | 43.477.457.118 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 150.000.000.000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (201.068.212) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 100.000.000.000 | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (34.544.836.667) | (33.870.170.709) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 215.455.163.333 | (34.071.238.921) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 98.907.651.414 | 51.730.272.972 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 96.882.678.336 | 45.194.973.287 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (42.567.923) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 195.790.329.750 | 96.882.678.336 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Đoàn Kiên

Đỗ Quang Khánh

Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 630 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 550 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và 23 đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Nhóm TSCĐ</u> | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 20 |
| Máy móc thiết bị | 5 - 7 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 |
| TSCĐ khác | 3 - 5 |

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

7. **Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

8. **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Bao gồm các khoản các khoản đầu tư chứng khoán với mục đích mua vào, bán ra để kiếm lời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ.

Đầu tư tài chính dài hạn

Bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, góp vốn vào đơn vị khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay... mà thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm kể từ ngày kết thúc niên độ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tổng Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính Phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp Bảo hiểm và doanh nghiệp Môi giới bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo do Tổng Công ty đánh giá rằng các số liệu về dự phòng bồi thường chưa thông báo (nếu có) là không trọng yếu.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2010 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn việc thực hiện chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Các khoản chi phí khác được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

20. Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi các bảng thanh toán được lập và được bên nhận tái bảo hiểm xác nhận.
- Đối với các hợp đồng nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi Tổng Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí.

Tái bảo hiểm tạm thời

- Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà nhận tái bảo hiểm.
- Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Tổng Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ nhà nhượng tái bảo hiểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 4.185.714.553 | 2.954.996.985 |
| Tiền gửi ngân hàng | 29.786.927.197 | 33.048.181.351 |
| Tiền đang chuyển | 6.787.688.000 | 779.500.000 |
| Các khoản tương đương tiền | 155.030.000.000 | 60.100.000.000 |
| Cộng | 195.790.329.750 | 96.882.678.336 |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | 52.370.513.037 | | 35.841.013.897 |
| Công ty cổ phần Everpia Việt Nam | 21.850 | 1.016.500.000 | - | - |
| Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển | 100.550 | 3.432.014.425 | 60.000 | 4.404.915.000 |
| Công ty cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà | 85.000 | 2.148.237.900 | - | - |
| Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí | 150.000 | 8.154.571.590 | - | - |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 68.500 | 1.659.216.810 | - | - |
| Tổng Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật kỹ dầu khí VN | 336.700 | 6.509.367.540 | - | - |
| Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam | 350.000 | 8.012.520.040 | - | - |
| Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam | - | - | 100.000 | 4.229.118.432 |
| Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn | 180.000 | 5.876.158.860 | - | - |
| Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | 22.985 | 468.936.000 | - | - |
| Quỹ đầu tư năng động Việt Nam | 500.000 | 5.075.000.000 | - | - |
| Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam | 1.000.000 | 10.015.720.905 | 1.000.000 | 10.015.720.905 |
| Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu | 6 | 294.997 | 83.430 | 5.479.928.325 |
| Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT | 66 | 1.973.970 | - | - |
| Công ty cổ phần xây dựng số 3 | - | - | 23.600 | 1.800.759.000 |
| Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | - | - | 20.000 | 1.125.600.000 |
| Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng VN | - | - | 60.000 | 2.363.976.373 |
| Công ty cổ phần FPT | - | - | 10.000 | 736.470.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần Licogi 16 | - | - | 50.000 | 3.607.950.000 |
| Công ty cổ phần tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành | - | - | 40.000 | 1.097.621.862 |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | - | - | 10.000 | 317.634.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | - | - | 10.000 | 661.320.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống | | 449.779.434.732 | | 349.460.272.222 |
| Cho vay ủy thác | | | | 1.500.000.000 |
| Cộng | | 502.149.947.769 | | 386.801.286.119 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) | | (1.240.687.392) | | (738.034.187) |
| Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 500.909.260.377 | | 386.063.251.932 |

^(*) Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.**3. Phải thu khách hàng**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu về phí bảo hiểm gốc | 111.463.175.559 | 88.266.446.345 |
| Phải thu của hoạt động nhận tái bảo hiểm | 11.192.466.764 | 12.074.053.201 |
| Phải thu của hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 30.369.754.901 | 9.905.013.551 |
| Phải thu khác của khách hàng | 293.000.000 | 244.200.000 |
| Cộng | 153.318.397.224 | 110.489.713.097 |

4. Trả trước cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc | 21.962.226.999 | 24.931.877.217 |
| Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc | 302.421.587 | 272.254.670 |
| Trả trước cho nhà cung cấp khác | 1.260.608.478 | 4.330.682.402 |
| Cộng | 23.525.257.064 | 29.534.814.289 |

5. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Lãi dự thu hoạt động tài chính | 54.276.098.432 | 22.600.780.694 |
| Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường) | 5.614.181.754 | 5.614.181.754 |
| Đặt cọc VNDirect tiền mua trái phiếu | 19.500.000.000 | - |
| Phải thu bồi thường hộ, giám định hộ | 4.648.202.432 | 346627886 |
| Phải thu phí bảo hiểm VN Post | 6.013.326.605 | - |
| Các khoản phải thu khác | 14.008.483.773 | 7.468.683.058 |
| Cộng | 104.060.292.996 | 36.030.273.392 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 13.360.231.115 | 14.060.936.344 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm | 1.156.748.049 | 2.434.814.737 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.955.727.864 | 2.455.054.722 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 1.515.873.799 | 3.728.149.146 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm | 8.731.881.403 | 5.442.917.739 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | - | - |
| Cộng | <u>13.360.231.115</u> | <u>14.060.936.344</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.658.511.044 | 947.590.876 |
| Công cụ, dụng cụ | 88.173.377 | 115.364.540 |
| Cộng | <u>1.746.684.421</u> | <u>1.062.955.416</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------------|---------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 14.392.272 | 286.912.343 |
| Tiền thuê nhà | - | 84.000.000 |
| Chi phí khác | 45.560.000 | 35.000.000 |
| Cộng | <u>59.952.272</u> | <u>405.912.343</u> |

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa | 35.102.386 | 185.530.649 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa | 10.677.552 | 28.016.266 |
| Thuế khác | 1.119.149.912 | 3.000.000 |
| Cộng | <u>1.164.929.850</u> | <u>216.546.915</u> |

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 2.889.902.962 | 2.305.706.513 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 204.387.782 | 1.609.970.084 |
| Cộng | <u>3.094.290.744</u> | <u>3.915.676.597</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, đụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 7.488.385.634 | 108.364.427 | 22.855.081.932 | 12.679.709.648 | 43.131.541.641 |
| Tăng trong năm do mua sắm mới | 349.887.896 | 85.840.909 | 8.203.577.265 | 1.465.875.656 | 10.105.181.726 |
| Số cuối năm | 7.838.273.530 | 194.205.336 | 31.058.659.197 | 14.145.585.304 | 53.236.723.367 |
| <i>Trong đó, khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | 77.316.808 | 5.511.373.386 | 8.058.479.462 | 13.647.169.656 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 18.074.912 | 99.342.944 | 14.040.543.902 | 9.678.328.331 | 23.836.290.089 |
| Khấu hao trong năm | 377.272.587 | 10.845.882 | 3.370.940.147 | 1.161.330.226 | 4.920.388.842 |
| Số cuối năm | 395.347.499 | 110.188.826 | 17.411.484.049 | 10.839.658.557 | 28.756.678.931 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 7.470.310.722 | 9.021.483 | 8.814.538.030 | 3.001.381.317 | 19.295.251.552 |
| Số cuối năm | 7.442.926.031 | 84.016.510 | 13.647.175.148 | 3.305.926.747 | 24.480.044.436 |

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|-------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 50.932.204.000 | 976.000.000 | 51.908.204.000 |
| Tăng trong năm do mua sắm mới | 13.337.757.000 | 376.000.000 | 13.713.757.000 |
| Giảm trong năm do nhượng bán | (19.474.557.000) | - | (19.474.557.000) |
| Số cuối năm | 44.795.404.000 | 1.352.000.000 | 46.147.404.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 266.636.201 | 266.636.201 |
| Khấu hao trong năm | - | 306.133.938 | 306.133.938 |
| Số cuối năm | - | 572.770.139 | 572.770.139 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 50.932.204.000 | 709.363.799 | 51.641.567.799 |
| Số cuối năm | 44.795.404.000 | 779.229.861 | 45.574.633.861 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng 909, 8 m² đất tại phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 586180 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 01 năm 2011.

14. Đầu tư vào công ty con

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm | - | 4.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam | 9.180.000.000 | 3.570.000.000 |
| Cộng | 9.180.000.000 | 7.570.000.000 |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500600975 ngày 12 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam 9.180.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 5.610.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 74,66 %.

Trong năm đơn vị đã bán hết 400.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bệnh viện Thành Tâm với số tiền là 6.937.561.943 VND.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| <u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u> | <u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u> | | <u>Vốn đầu tư</u> |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------|
| | <u>Theo giấy phép</u> | <u>Thực góp</u> | |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽ⁱ⁾ | 49% | 95,35% | 88.200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm Pa ⁽ⁱⁱ⁾ | 40% | 44,44% | 11.700.000.000 |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 21,30% | 21,30% | 14.292.700.000 |
| Công ty Cổ phần IBS Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱⁱ⁾ | 30% | 67,95% | 3.000.000.000 |
| Cộng | | | 117.192.700.000 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 38.200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

(ii) Giấy chứng nhận đầu tư số 347/BKH-ĐTRNN ngày 13 tháng 05 năm 2010 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm pa 600.000 USD, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 ngày 30 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn Thông tin học điện tử 14.292.700.000 VND, tương đương 21,3 % vốn điều lệ.

(iiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102720783 ngày 02 tháng 06 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần IBS – Việt Nam 3.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 1.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu | | 19.770.000.000 | | 4.910.000.000 |
| Ngân hàng đầu tư | 100.000 | 1.110.000.000 | 100.000 | 1.110.000.000 |
| Công ty Cổ phần Fecon Việt Nam | 3.000 | 60.000.000 | 200.000 | 3.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Trúc Thôn | 300.000 | 3.600.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Út Xi | 1.000.000 | 15.000.000.000 | - | - |
| Đầu tư trái phiếu | | 31.000.000.000 | | 31.000.000.000 |
| Trái phiếu Chính phủ, đáo hạn ngày 15 tháng 04 năm 2012, lãi suất 8,1%/năm | | 1.000.000.000 | | 1.000.000.000 |
| Trái phiếu ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, đáo hạn ngày 30 tháng 06 năm 2011, lãi suất năm đầu là 10,4%/năm, các năm sau tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng qui định trong hợp đồng cộng với lãi suất biên 2,4%/năm | | 20.000.000.000 | | 20.000.000.000 |
| Trái phiếu ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, đáo hạn ngày 25/09/2011, lãi suất thả nổi với năm đầu là 10,5%/năm, các năm sau tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng lớn qui định trong hợp đồng cộng với lãi suất biên 2,8%/năm | | 10.000.000.000 | | 10.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | | 7.147.695.833 | | 4.172.361.111 |
| Ủy thác quản lý danh mục đầu tư | | 19.849.777.778 | | 15.739.055.291 |
| Cho vay ủy thác | | 76.397.390.000 | | 61.364.000.000 |
| Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần bất động sản Bưu điện | | 55.814.062.500 | | 8.000.000.000 |
| Góp vốn cổ phần (*) | | 47.045.000.000 | | 42.595.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | | 10.372.725.000 | | 15.236.395.000 |
| Cộng | | 267.396.651.111 | | 182.923.311.402 |

(*) Trong đó khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện là 2.940.000.000 đồng.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Trúc Thôn: tăng do mua thêm 300.000 cổ phiếu với giá mua là 3.600.000.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út xi: tăng do mua thêm 1.000.000 cổ phiếu với giá mua là 15.000.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Fecon Việt Nam:
 - Bán 140.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.430.000.000 VND.
 - Bán 60.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.740.000.000 VND
 - Nhận cổ phiếu thưởng 3.000 cổ phiếu 60.000.000 VND/USD.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện | (372.111.533) | (372.111.533) |
| Dự phòng khoản lỗ ủy thác đầu tư chứng khoán | (407.210.493) | - |
| Cộng | (779.322.026) | (372.111.533) |

18. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 349.583.461 | 1.203.198.919 | 623.398.009 | 929.384.371 |
| Chi phí thuê nhà | 1.300.140.646 | 4.623.495.298 | 3.890.934.073 | 2.032.701.871 |
| Chi phí phát triển đại lý | 3.104.283.228 | 3.434.120.511 | 2.269.890.204 | 4.268.513.535 |
| Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu | 921.529.200 | - | 460.764.600 | 460.764.600 |
| Các khoản chi phí khác | 179.788.254 | 1.024.091.591 | 430.440.711 | 773.439.134 |
| Cộng | 5.855.324.789 | 10.284.906.319 | 7.675.427.597 | 8.464.803.511 |

19. Tài sản dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ký quỹ bắt buộc theo Luật kinh doanh bảo hiểm | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Ký quỹ khác | 5.500.907.630 | 5.313.518.582 |
| Cộng | 11.500.907.630 | 11.313.518.582 |

20. Vay nợ ngắn hạn

| | |
|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số tiền vay phát sinh | 100.000.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | - |
| Số cuối năm | 100.000.000.000 |

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Hà Nội, thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2010, lãi suất vay là 17,3%/ năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh.

Hợp đồng vay được đảm bảo bằng 3 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Hàng Hải, tổng số tiền là 116.000.000.000 VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc | 22.431.239.065 | 13.605.445.671 |
| - Phải trả về bồi thường bảo hiểm gốc | 13.971.646.835 | 6.570.178.325 |
| - Phải trả về hoa hồng bảo hiểm gốc | 7.264.152.769 | 5.005.705.837 |
| - Phải trả về phí giám định tổn thất | 766.757.855 | 711.193.750 |
| - Phải trả về chi để phòng hạn chế rủi ro tổn thất | 284.233.900 | 568.173.000 |
| - Phải trả khác về bảo hiểm gốc | 144.447.706 | 750.194.759 |
| Phải trả về hoàn phí bảo hiểm | 18.085.389 | 26.805.426 |
| Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm | 4.100.611.702 | 5.289.212.595 |
| Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm | 25.210.211.894 | 30.018.957.455 |
| Phải trả nhà đồng bảo hiểm | 5.466.502.032 | 616.764.292 |
| Phải trả cho nhà cung cấp khác | 3.965.220.186 | 3.992.018.945 |
| Cộng | <u>61.191.870.268</u> | <u>53.549.204.384</u> |

22. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả tiền trước về phí bảo hiểm gốc.

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 6.089.993.803 | 3.757.195.425 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 16.833.902.465 | 10.039.249.963 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 55.711.347 | 1.014.544.899 |
| Các loại thuế khác | 1.396.063.407 | 10.135.435 |
| Cộng | <u>24.375.671.022</u> | <u>14.821.125.722</u> |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 99.020.717.909 | 56.960.062.685 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (9.034.329.345) | (3.357.990.834) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (9.034.329.345) | (3.357.990.834) |
| + Cổ tức và lợi nhuận được chia | (8.819.475.164) | (3.196.038.834) |
| + Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | (214.854.181) | (161.952.000) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 89.986.388.564 | 53.602.071.851 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 22.496.597.141 | 13.400.517.963 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>22.496.597.141</u> | <u>13.400.517.963</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.533.293.382 | 1.146.448.514 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 233.940.612 | 108.179.804 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 3.146.285.952 | 2.849.411.975 |
| Tạm ứng thầu chi cho VN Direct | 11.651.028.972 | - |
| Thuế nhà thầu tạm giữ | 2.298.968.685 | 474.398.194 |
| Phải trả phải nộp khác | 6.677.306.605 | 3.719.036.112 |
| Cộng | <u>25.540.824.208</u> | <u>8.297.474.599</u> |

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|---------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.554.681.768 | 440.000.000 | - | 1.289.788.000 | 704.893.768 |
| Quỹ phúc lợi | (1.191.663.865) | 5.000.000.000 | 1.782.750.000 | 4.878.231.865 | 712.854.270 |
| Cộng | <u>363.017.903</u> | <u>5.440.000.000</u> | <u>1.782.750.000</u> | <u>6.168.019.865</u> | <u>1.417.748.038</u> |

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 547.474.422 | 397.321.051 |
| Số trích lập trong năm | 284.202.893 | 263.914.643 |
| Số chi trong năm | (100.343.350) | (113.761.272) |
| Số cuối năm | <u>731.333.965</u> | <u>547.474.422</u> |

27. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản phí bảo hiểm thu được nhưng chưa phát sinh trách nhiệm tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

28. Dự phòng nghiệp vụ

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Dự phòng phí | 278.318.419.396 | 182.270.341.549 |
| Dự phòng bồi thường | 122.705.081.721 | 107.685.527.549 |
| Dự phòng dao động lớn | 143.494.295.785 | 126.165.695.105 |
| Cộng | <u>544.517.796.902</u> | <u>416.121.564.203</u> |

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 (trang 40).

Cổ tức

Trong năm Công ty chi trả cổ tức năm 2009 theo tỷ lệ 12%, cổ tức phải trả là 36.000.000.000 đồng, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 số cổ tức Tổng Công ty còn phải trả là 1.455.163.333 VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 45.000.000 | 30.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 45.000.000 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 45.000.000 | 30.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 7.563 | 7.563 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 7.563 | 7.563 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 44.992.437 | 29.992.437 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 44.992.437 | 29.992.437 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ ngắn hạn cuối năm.

Mục đích trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 801.423.806.548 | 524.475.456.666 |
| <i>Doanh thu bảo hiểm gốc</i> | <i>684.469.187.473</i> | <i>455.026.081.143</i> |
| <i>Doanh thu nhận tái bảo hiểm</i> | <i>49.340.707.044</i> | <i>38.049.341.544</i> |
| <i>Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i> | <i>34.729.600.649</i> | <i>27.874.904.192</i> |
| <i>Doanh thu khác</i> | <i>32.884.311.382</i> | <i>3.525.129.787</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 250.804.235.870 | 169.911.012.981 |
| <i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i> | <i>149.617.446.987</i> | <i>112.859.269.928</i> |
| <i>Hoàn phí bảo hiểm</i> | <i>5.138.711.037</i> | <i>5.949.321.665</i> |
| Tăng (giảm) dự phòng phí | 96.048.077.846 | 51.102.421.388 |
| Doanh thu thuần | <u>550.619.570.678</u> | <u>354.564.443.685</u> |

2. Chi phí bán hàng

Là chi phí cho hoạt động đại lý.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 87.099.700.033 | 48.960.241.847 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 10.697.745.392 | 7.171.008.657 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 3.909.547.679 | 3.398.795.573 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 5.226.522.780 | 3.995.589.678 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.309.410.640 | 1.675.752.609 |
| Chi phí dự phòng | (444.028.448) | 3.078.750.044 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.638.891.805 | 21.525.814.259 |
| Chi phí bằng tiền khác | 64.284.997.891 | 42.326.269.413 |
| Cộng | <u>205.722.787.772</u> | <u>132.132.222.080</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Lãi kinh doanh chứng khoán | 25.443.840.595 | 21.431.799.399 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 48.628.002.381 | 46.123.706.890 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.528.646.270 | 1.897.576.123 |
| Lãi tiền cho vay | 12.103.389.501 | 8.684.058.164 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 8.819.475.164 | 3.196.038.834 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.893.219.563 | 214.832.701 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 214.854.181 | 161.952.000 |
| Doanh thu tài chính từ kinh doanh bất động sản | 37.260.000.000 | - |
| Cộng | <u>135.891.427.655</u> | <u>81.709.964.111</u> |

Choway
10.859

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lỗ kinh doanh chứng khoán | 28.554.147.555 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2.268.028.141 | 1.563.013.636 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 63.735.719 | 6.966.833.976 |
| Hoàn nhập (-)/ Trích lập (+) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 502.653.205 | (1.576.686.187) |
| Trích lập dự phòng đầu tư góp vốn dài hạn | 407.210.493 | 372.111.533 |
| Chi phí lãi vay | 1.256.752.787 | - |
| Chi phí ủy thác quản lý doanh mục đầu tư | 458.152.639 | 312.048.998 |
| Chi phí tiền lương hoạt động đầu tư ^(*) | - | 12.581.251.696 |
| Chi phí đầu tư bất động sản | 28.067.545 | - |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | 19.742.107.727 | - |
| Chi phí tài chính khác | 57.460.744 | 6.038.504 |
| Cộng | <u>53.338.316.555</u> | <u>20.224.612.156</u> |

(*) Chi phí tiền lương theo doanh thu của hoạt động đầu tư năm 2010 được phân loại sang chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Tổng Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương Ban Tổng giám đốc | 2.389.496.538 | 1.911.597.230 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 290.200.000 | 208.000.000 |
| Cộng | <u>2.679.696.538</u> | <u>2.119.597.230</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-----------------------------------------------------|--------------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Cổ đông sáng lập |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | Cổ đông sáng lập |
| Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt nam | Cổ đông sáng lập |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Thành Tâm | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam | Công ty con |

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | | |
| Chia lãi cổ tức | 13.018.320.000 | 13.044.739.726 |
| Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 132.362.639.537 | 130.707.514.306 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm quốc gia Việt nam</i> | | |
| <i>Nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm</i> | | |
| Phí nhận tái bảo hiểm | 34.939.998.684 | 23.809.703.375 |
| Hoa hồng nhận tái bảo hiểm | 8.065.800.875 | 4.958.358.341 |
| Bồi thường nhận tái bảo hiểm | 10.991.720.644 | 11.216.254.479 |
| Chi khác nhận tái bảo hiểm | 273.558.823 | 447.604.211 |
| <i>Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm</i> | | |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 25.921.442.576 | 23.713.120.589 |
| Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 6.560.440.567 | 6.187.875.596 |
| Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 9.093.009.373 | 5.615.850.763 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i> | | |
| <i>Nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm</i> | | |
| Phí nhận tái bảo hiểm | 883.235.440 | 1.030.371.070 |
| Hoa hồng nhận tái bảo hiểm | 256.171.212 | 279.508.478 |
| Bồi thường nhận tái bảo hiểm | 586.242.588 | 112.039.375 |
| <i>Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm</i> | | |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 2.871.173.293 | 1.470.890.623 |
| Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 831.971.845 | 386.890.312 |
| Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 786.398.547 | 1.664.239.283 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm quốc gia Việt nam</i> | | |
| Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm | 16.263.363.456 | 8.763.559.836 |
| Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm | 4.521.817.615 | 6.188.794.670 |
| Phải thu khác về hoạt động nhân tái bảo hiểm | 176.033.602 | - |
| Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 11.325.265.747 | 2.302.806.294 |
| Phải thu về hoàn phí nhượng tái bảo hiểm | - | 271.958.872 |
| Phải thu khác | 240.246.492 | - |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i> | 587.710.337 | 1.064.933.099 |
| Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm | 232.992.370 | 263.960.333 |
| Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 317.696.310 | 772.537.849 |
| Phải thu khác | 37.021.657 | 28.434.917 |
| Cộng nợ phải thu | 16.851.073.793 | 9.828.492.935 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam</i> | | |
| Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | 8.814.189.476 | 12.863.031.119 |
| Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | 182.071.116 | 882.785.922 |
| Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm | 8.587.708.624 | 11.952.763.446 |
| Phải trả khác | 44.409.736 | 27.481.751 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i> | 1.730.331.459 | 644.569.261 |
| Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm | 423.471.945 | 385.359.953 |
| Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm | 1.249.640.079 | 103.680.183 |
| Phải trả khác | 57.219.435 | 155.529.125 |
| Cộng nợ phải trả | 10.544.520.935 | 13.507.600.380 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của 2 hoạt động này nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Tổng Công ty kinh doanh tại một khu vực địa lý (trong lãnh thổ Việt Nam) nên không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------------------------|-------------|--------------|-------------|
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản | % | 66,47 | 65,39 |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản | % | 33,53 | 34,61 |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 54,39 | 51,60 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 45,61 | 48,40 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,84 | 1,94 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 4,04 | 6,73 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,81 | 1,00 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần | % | 14,42 | 13,04 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | % | 11,15 | 9,98 |
| Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 6,78 | 5,72 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 5,24 | 4,37 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | % | 11,48 | 9,04 |

4. Biên khả năng thanh toán

Xem Phụ lục số 02 (trang 41 – 42).

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2011

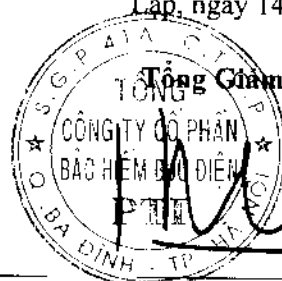
Người lập biểu

Đoàn Kiên

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

TONG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự trữ bắt buộc | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | - | - | 14.517.639.731 | 9.808.402.445 | 39.611.619.382 | 478.312.661.558 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (201.068.212) | - | - | - | - | (201.068.212) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | - | 43.559.544.722 | 43.559.544.722 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ | - | - | - | (158.852.450) | - | - | - | (158.852.450) |
| Phân phối lợi nhuận năm 2008 | - | - | - | - | 419.843.297 | - | (38.823.933.169) | (38.404.089.872) |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 419.843.297 | - | (419.843.297) | (419.843.297) |
| - Trích quỹ khen thưởng khách hàng | - | - | - | - | - | - | (2.200.000.000) | (2.200.000.000) |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (35.784.246.575) | (35.784.246.575) |
| - Chi có tức năm 2008 | - | - | - | - | - | - | (3.443.698.644) | (1.208.000.000) |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm 2009 | - | - | - | - | - | 2.235.698.644 | (3.443.698.644) | (1.208.000.000) |
| - Trích quỹ Dự trữ bắt buộc | - | - | - | - | - | 2.235.698.644 | (2.235.698.644) | (1.000.000.000) |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| - Thù lao HĐQT | - | - | - | - | - | - | (208.000.000) | (208.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | (201.068.212) | (158.852.450) | 14.937.483.028 | 12.044.101.089 | 40.903.532.291 | 481.900.195.746 |
| Số dư đầu năm nay | 300.000.000.000 | 114.375.000.000 | (201.068.212) | (158.852.450) | 14.937.483.028 | 12.044.101.089 | 40.903.532.291 | 481.900.195.746 |
| Cổ đông góp vốn | 150.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | 150.000.000.000 |
| - Trong đó góp bằng tiền | 150.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | 150.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | - | 76.524.120.768 | 76.524.120.768 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ | - | - | - | 101.807.856 | - | - | - | 101.807.856 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2009 | - | - | - | - | 440.000.000 | (55.698.644) | (40.301.661.356) | (39.917.360.000) |
| - Trích quỹ Dự trữ bắt buộc | - | - | - | - | - | (55.698.644) | 55.698.644 | - |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 440.000.000 | - | (440.000.000) | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (3.440.000.000) | (3.440.000.000) |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | - | (36.000.000.000) | (36.000.000.000) |
| - Thù lao HĐQT | - | - | - | - | - | - | (477.360.000) | (477.360.000) |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm 2010 | - | - | - | - | - | 3.826.206.038 | (5.826.206.038) | (2.000.000.000) |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (2.000.000.000) | (2.000.000.000) |
| - Trích quỹ Dự trữ bắt buộc | - | - | - | - | - | 3.826.206.038 | (3.826.206.038) | (2.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 450.000.000.000 | 114.375.000.000 | (201.068.212) | (57.044.594) | 15.377.483.028 | 15.814.608.483 | 71.299.785.665 | 666.608.764.370 |

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

PHỤ LỤC 02:**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

| | Đơn vị: VND | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả | 666.608.764.370 | 482.263.213.649 |
| 1. Tổng Tài sản doanh nghiệp | 1.461.397.080.964 | 995.708.348.526 |
| 2. Nợ phải trả | 794.788.316.594 | 513.445.134.877 |
| II. Giá trị tài sản bị loại trừ | 306.398.716.018 | 237.067.129.919 |
| I. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán | 98.301.012.162 | 102.923.893.250 |
| 1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm | 21.715.720.905 | 10.015.720.905 |
| 1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.417.748.038 | 363.017.903 |
| 1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi | 6.807.820.275 | 6.757.445.498 |
| 1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính) | 44.795.404.000 | 50.932.204.000 |
| 1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội | 11.414.658.745 | 8.566.943.645 |
| 1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật | 649.660.200 | 1.052.166.309 |
| 1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng | 11.500.000.000 | 25.236.394.990 |
| 2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán | 208.097.703.855 | 134.143.236.669 |
| 2.1 Các Tài sản đầu tư | 43.754.758.820 | 28.654.211.642 |
| a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch | - | - |
| b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị | 600.000.000 | 600.000.000 |
| c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán; | 6.353.218.820 | 3.873.793.949 |
| d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán; | 3.954.000.000 | 963.300.000 |
| đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán; | - | - |
| e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán; | - | - |
| g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán. | 32.847.540.000 | 23.217.117.693 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 02: Biên khả năng thanh toán (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 2.2 Các khoản phải thu | 1.787.587.566 | 3.650.256.621 |
| a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại | 809.723.634 | 2.422.729.260 |
| b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50% | 977.863.932 | 1.227.527.361 |
| 2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán | 631.478.571 | 443.079.804 |
| 2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán | 161.923.878.899 | 101.395.688.602 |
| III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II) | 360.210.048.352 | 245.196.083.730 |
| IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu | | |
| 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại | 144.405.005.662 | 93.566.707.774 |
| So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV) | | |
| Chênh lệch theo số tuyệt đối | 215.805.042.690 | 151.629.375.956 |
| Chênh lệch theo tỷ lệ % | 249% | 262% |